

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **4722**/UBND-KTN
V/v điều chuyển tài sản công
trình điện đầu tư bằng nguồn
vốn nhà nước sang Tập đoàn
Điện lực Việt Nam theo Quyết
định số 41/2017/QĐ-TTg (đợt 1)

Quảng Ngãi, ngày **20** tháng 9 năm 2022

Kính gửi: Bộ Tài chính

Căn cứ khoản 5 Điều 4 Quyết định số 41/2017/QĐ-TTg ngày 15/9/2017 của Thủ tướng Chính phủ Quy định trình tự, thủ tục điều chuyển công trình điện được đầu tư bằng vốn nhà nước sang Tập đoàn Điện lực Việt Nam quản lý; trên cơ sở Công văn số 4121/EVN-KD ngày 07/8/2019 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam về việc tiếp nhận công trình điện được đầu tư bằng nguồn vốn nhà nước sang Tập đoàn Điện lực Việt Nam theo Quyết định số 41/2017/QĐ-TTg, đề nghị của Sở Công Thương tỉnh Quảng Ngãi tại Công văn số 1948/SCT-QLNL ngày 15/9/2022 về việc điều chuyển công trình điện đầu tư bằng nguồn vốn nhà nước được EVN thống nhất tiếp nhận và đề nghị của Sở Tài chính tỉnh Quảng Ngãi tại Công văn số 3746/STC-QLGCS ngày 15/9/2022 về việc điều chuyển tài sản công trình điện đầu tư bằng nguồn vốn nhà nước sang Tập đoàn Điện lực Việt Nam theo Quyết định số 41/2017/QĐ-TTg (đợt 1); UBND tỉnh Quảng Ngãi kính đề nghị Bộ Tài chính xem xét trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chuyển tài sản 24 công trình điện đầu tư bằng nguồn vốn nhà nước sang Tập đoàn Điện lực Việt Nam (đợt 1).

(Kèm theo Hồ sơ đề nghị điều chuyển của 24 công trình điện bao gồm: Danh mục tài sản đề nghị điều chuyển theo Mẫu số 01b, Công văn số 4121/EVN-KD ngày 07/8/2019 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam, Công văn đề nghị điều chuyển tài sản của cơ quan, tổ chức, đơn vị có tài sản, Công văn đề nghị điều chuyển tài sản của cơ quan quản lý cấp trên, 24 Biên bản kiểm kê theo Mẫu số 02)

Kính đề nghị Bộ Tài chính quan tâm, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Tập đoàn Điện lực Việt Nam;
- Tổng Công ty Điện lực miền Trung;
- Công ty Điện lực Quảng Ngãi;
- Các Sở: Tài chính, Công Thương;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- VPUB: CVP, PCVP, CBTH;
- Lưu: VT, KTN.th569

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Trần Phước Hiền

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH ĐIỆN ĐƯỢC ĐẦU TƯ BẰNG VỐN NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG NGÃI (ĐỢT 1)
(Kèm theo Công văn số 4722/UBND-KTN ngày 20/9/2022 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

Mẫu số 01B

TT	Tên công trình/hạng mục công trình điện	Nguyên giá theo số sách kế toán (đồng)										Quyết định phê duyệt dự toán/quyết toán		Ghi chú		
		Đường dây 110KV (m)	Trung thế (m)	Điện thế Hệ thế (m)	Phòng chống sét (KVA)	Năm đưa vào vận hành	Tổng công	NSNN	Vốn hỗ trợ phát triển chính thức	Vốn vay ưu đãi	Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp	Vốn tín dụng	Giá trị còn lại (đồng)		Số, ngày, tháng, năm	Giá trị (đồng)
1	Cấp điện tư sơ làm việc mới của Ban báo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ tình kết hợp với khu khám, chữa bệnh cho cán bộ thuộc đối tượng 1	3	4	5	6	7	8 = (7+...13)	9	10	11	12	13	14	15	16	17
2	Cấp điện trại giống cây nông nghiệp Đức Hiệp		450	550	50	2007	249,486,661	249,486,661					7,310,513,037	1893/QĐ-STC ngày 16/10/2009	249,486,661	MỘ ĐỨC
3	Dưỡng điện thôn Tang		8,495	1,711	40	2019	8,289,336,000	8,289,336,000					389,165,500	2319/QĐ-UBND ngày 17/10/2019	8,289,336,000	TRÀ BÔNG
4	Cấp điện trường chính trị tỉnh		73		160	2019	402,585,000	402,585,000					128,037,646	1548/QĐ-UBND ngày 22/8/2017	422,637,950	TP. QN
5	Cấp điện khu TĐC Tân Lộc		239	253	50	2014	655,452,185	655,452,185					99,726,509	Hồ sơ quyết toán SGT.VT phê duyệt ngày 08/12/2015	655,452,185	ĐỨC PHỒ
6	Cấp điện khu TĐC Cây Vừng		19	260	30	2014	504,856,808	504,856,808					235,905,317	Hồ sơ quyết toán SGT.VT phê duyệt ngày 11/2014	504,856,808	ĐỨC PHỒ
7	Cấp điện khu TĐC số 1 (Đông Sát)			528	100	2015	789,234,105	789,234,105					102,011,932	Hồ sơ quyết toán SGT.VT phê duyệt ngày 15/12/2016	789,234,105	ĐỨC PHỒ
8	Cấp điện khu TĐC số 3 (Đông Gà)		234	367	50	2014	457,424,513	457,424,513					160,554,416	Hồ sơ quyết toán SGT.VT phê duyệt ngày 25/12/2014	457,424,513	ĐỨC PHỒ
9	Cấp điện khu TĐC số 2 (phía nam NM Mũi)		42	395	100	2015	553,374,520	553,374,520					95,030,155	Hồ sơ quyết toán SGT.VT phê duyệt ngày 02/2/2015	553,374,520	ĐỨC PHỒ
10	Cấp điện khu TĐC Điện Trường		142	407	50	2014	607,460,713	607,460,713					251,626,000	1201/QĐ-UBND ngày 27/6/2017	607,460,713	ĐỨC PHỒ
11	Kéo điện ra đồng để phục vụ sản xuất			1,291	50	2015	740,076,000	740,076,000					352,985,000	1166/QĐ-UBND ngày 08/7/2016	740,076,000	LÝ SƠN
12	Điện sinh hoạt tổ 1 thôn Trà Long (Trà Nham 8)		50	647	10	2015	1,217,190,000	1,217,190,000					542,511,000	250/QĐ-UBND, ngày 29/02/2016 của UBND huyện Tây Trà	1,217,190,000	TRÀ BÔNG
13	Điện sinh hoạt tổ 4,5,6,7 thôn Sơn (Trà Khê 10)		2,034	181	15	2015	1,937,539,000	1,937,539,000					2,065,852,000	216/QĐ-UBND, ngày 22/02/2016 của UBND huyện Tây Trà	1,937,539,000	TRÀ BÔNG
14	Dưỡng điện tổ 3, thôn Trà Hoa (Trà Lâm 8)		2,297	744	20	2019	3,038,018,000	3,038,018,000					98,621,000	1315/QĐ-UBND, ngày 08/6/2020 của UBND huyện Trà Bồng	3,038,018,000	TRÀ BÔNG
15	Điện Sinh hoạt tổ 6, thôn Trà Linh (Trà Lâm 10)		2,046	118	15	2011	986,212,000	986,212,000					317,841,700	157/QĐ-UBND, ngày 06/03/2013 của UBND huyện Tây Trà	986,212,000	TRÀ BÔNG
16	Điện sinh hoạt thôn Cốc, xã Trà Thanh (Trà Thanh 5,6)		3,073	1,172	50	2013	3,178,417,000	3,178,417,000						1134/QĐ-UBND 16/9/2013 của UBND huyện Tây Trà	3,178,417,000	TRÀ BÔNG

TT	Tên công trình/nạng mục công trình điện	Quy mô				Năm đưa vào vận hành	Nguyên giá theo sổ sách kế toán (đồng)						Quyết định phê duyệt dự toán/quyết toán		Ghi chú	
		Đường dây 110KV (m)	Trung thế (m)	Hạ thế (m)	Dung lượng trạm biến áp (KVA)		Tổng cộng	NSNN	Vốn hỗ trợ phát triển chính thức	Vốn vay ưu đãi	Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp	Vốn tín dụng	Giá trị còn lại (đồng)	Số, ngày, tháng, năm		Giá trị (đồng)
1	2	3	4	5	6	7	8 = (9+...13)	9	10	11	12	13	14	15	16	17
17	Nâng cấp, hoàn thiện điện sinh hoạt tổ 11, thôn Trà Ông, xã Trà Quán (Trà Quán 8)		540	306	25	2018	1,167,725,000	1,167,725,000					723,669,575	829/QĐ-UBND 13/9/2019 của UBND huyện Tây Trà	1,167,725,000	TRẢ BÔNG
18	Nâng cấp, hoàn thiện điện sinh hoạt xã Trà Phong, thôn Trà Bung (Trà Phong 13)		7	365	15	2018	1,049,156,000	1,049,156,000					644,440,480	669/QĐ-UBND 15/8/2019 của UBND huyện Tây Trà	1,049,156,000	TRẢ BÔNG
19	Nâng cấp, hoàn thiện điện sinh hoạt thôn Trà Na (Trà Phong 8 nối dài)			456		2018	719,781,000	719,781,000					445,278,219	717/QĐ-UBND 22/8/2019 của UBND huyện Tây Trà	719,781,000	TRẢ BÔNG
20	Điện sinh hoạt Đồi Sim, thôn Gò Rô (Trà Phong 12)		50	393	50	2018	1,060,386,000	1,060,386,000					639,136,767	58/QĐ-UBND 24/01/2019 của UBND huyện Tây Trà	1,060,386,000	TRẢ BÔNG
21	Trung tâm y tế huyện Tư Nghĩa; Hàng mục: Đường dây 22kV và TBA		17		160	2010	430,806,839	430,806,839					43,080,684	QĐ 2216/QĐ-SYT ngày 31/12/2008	430,806,839	TƯ NGHĨA
22	Đường dây 22kV và TBA Trung tâm giáo dục lao động xã hội tỉnh (giai đoạn 2)		35		160	2014	301,210,689	301,210,689					58,261,574	QĐ 2315/QĐ-UBND ngày 21/12/2015	301,210,689	TƯ NGHĨA
23	TBA Trường THPT Thu Xà		35	131	50	2017	460,568,000	460,568,000					205,425,946	380/QĐ-SGDĐT ngày 05/5/2017	460,568,000	TƯ NGHĨA
24	Khu dân cư phục vụ tái định cư cho các dự án trên địa bàn huyện Tư Nghĩa, hàng mục: Hệ thống điện, gồm đường dây 22kV và trạm biến áp		98	783	400	2019	1,108,118,000	1,108,118,000					803,006,058	QĐ 3880/QĐ-UBND ngày 07/8/2017	1,108,118,000	TƯ NGHĨA
Tổng cộng:			20,009	11,058	1,760		30,375,535,033	30,375,535,033					16,128,837,398		30,395,587,983	